TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2025
"Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hùng.

Ông Nguyễn Tuấn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên toà: Ông Thạch I Ran, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2024, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1984 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị **Dương Thị L**, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Nơi ĐKTT: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày có nội dung: Anh H xác lập quan hệ vợ chồng với chị Dương Thị L, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 23/8/2016.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung cháu Nguyễn Hoàng Â, sinh ngày 18/10/2018, do anh đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Dương Thị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cải qua lại với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay anh thấy không còn tình cảm với chị L yêu cầu được ly hôn.

- *Bị đơn chị Dương Thị L vắng mặt không có lời trình bày*.

Đối với bị đơn chị L đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; triệu tập hợp lệ nhưng chị L không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa xét xử, nên Tòa án không lấy lời khai của bị đơn được và bị đơn cũng không nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gì để phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh H.

Vì vậy Tòa án không kết luận được những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất và không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Dương Thị L; về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Â, sinh ngày 18/10/2018 cho anh Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Dương Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H xác lập quan hệ hôn nhân với chị L và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 23/8/2016 đúng theo quy định của pháp luật, cho nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[3] Theo anh H trình bày thì trong thời gian sinh sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bất là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cải qua lại với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng đến nhau mỗi người sống một nơi chị L đã bỏ nhà đi làm thuê tại thành phố Cần Thơ mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị L đến giải quyết vụ án nhưng chị cố tình vắng mặt không có lý do, đáng lẽ ra chị muốn hàn gắn tình cảm với anh H thì khi Tòa án triệu tập thì chị phải có mặt để trình bày nguyện vọng của mình để Tòa án xem xét, nhưng ngược lại chị bỏ mặc, không quan tâm đến việc giải quyết vụ án thể hiện ý chí của chị xem thường, không chấp hành yêu cầu của Tòa án cũng như không quan tâm đến việc hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này với anh H. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh H yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Hoàng Â, sinh ngày 18/10/2018, hiện do anh H đang nuôi dưỡng được phát triển đầy đủ về mọi mặt. Để đảm bảo cháu Â được tiếp tục phát triển về mọi mặt và cũng không làm xáo trộn cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cho anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Â là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh H khai không có, đối với chị L thì không có ý kiến gì phản đối, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Anh H khai không có, đối với chị L thì không có ý kiến gì phản đối, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[9] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Dương Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Â, sinh ngày 18/10/2018 cho anh Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn H không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006268, ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; anh H đã nộp đủ án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã Hi
(chứng nhận kết hôn ngày 14/8/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân